

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :288

sáng; Hũ tíu thòt bọ viên nam ca rớt củi cái
tràng gia hệ bap
Sữa grow
Trữa : Côm ech kho nghe nam rôm ca rớt
hạnh tay. Canh bí xanh tom kho thòt heo nạc
ngô rí
Món xáo: nấu bap
Xe: bánh plan
Xe chieu: Chao thòt ca diêu hong bí nõ nam

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37001				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Rạm (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Cá diệp	4,000	22,680	907,200
4	Nộm mắm Cá (loại 1)	1,000	5,940	59,400
5	Dầu thảo mộc	1,000	6,280	62,800
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Nghe tồ	300	5,460	16,380
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Gạo tẻ máy	20,000	2,630	526,000
10	Ngô (bap) tồ	1,000	3,990	39,900
11	Hũ tíu	16,000	1,820	291,200
12	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
13	Hạnh củ tồ	1,000	5,780	57,800
14	Nam rôm	1,500	13,130	196,950
15	Ca rớt	5,000	5,460	273,000
16	Củ cái trắng	500	2,730	13,650
17	Giã nấu xanh	1,000	2,520	25,200
18	Hệ lã	100	4,520	4,520
19	Hạnh tay	1,000	3,570	35,700
20	Nấu bap	4,000	6,720	268,800
21	Bí ngô (Bí nõ)	4,000	3,360	134,400
22	Bí nõ (Bí xanh)	9,000	4,310	387,900
23	Rau ngô (Rau mui)	100	8,820	8,820
24	Bánh chả	1,000	18,700	187,000
25	Bánh plan	28,800	6,770	1,949,760
26	Thòt lợn nạc	8,500	18,060	1,535,100
27	Thòt bọ loại 1	2,000	37,800	756,000
28	Thòt ech	5,500	27,300	1,501,500
Cong				9,651,880
	*XUAT KHO			
29	Sữa bột Abbott Grow	4,900	20,500	1,004,500
Cong				1,004,500
Tổng tiền thức phẩm				10,656,380 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chi trong ngày				10656000(đ)
Số đõ nấu ngay				0(đ)
Số đõ cuối ngày				-380(đ)
Xuất ăn luy kê tồ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tồ nấu tháng				
Tiền chi luy kê tồ nấu tháng				